



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LTCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC
KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	01	7,5	08	141	Ánh	
2	000002	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	01	—	0	—	—	ĐK
3	000003	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	01	8,5	07	142	Thiện	
4	000004	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	01	—	—	—	—	ĐK
5	000005	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	01	5,0	06	143	Trang	
6	000006	1104020001	Lê Thị Tú	Anh	28/11/1989	LT11A	01	9,5	05	144	Ánh	
7	000007	1104020002	Trần Thị Minh	Đức	04/10/1992	LT11A	01	5,5	04	145	Đức	
8	000008	1104020003	Nguyễn Hữu	Gia	10/09/1985	LT11A	01	Mười	03	146	H	
9	000009	1104020005	Bùi Thị	Hồng	14/11/1992	LT11A	01	9,8	02	147	H	
10	000010	1104020009	Nguyễn Thế	Lập	20/11/1989	LT11A	01	5,0	01	148	L	
11	000011	1104020010	Phạm Thị	Loan	12/09/1989	LT11A	01	5,0	09	155	Ph	
12	000012	1104020011	Lê Thị	Luyên	25/01/1992	LT11A	01	5,0	10	154	OL	HP
13	000013	1104020013	Tổng Thị	Nhâm	25/12/1990	LT11A	01	5,5	21	153	H	
14	000014	1104020014	Hoàng Thị	Nhung	25/10/1992	LT11A	01	5,5	12	152	A	
15	000015	1104020015	Lê Hoàng Kim	Suyển	02/10/1996	LT11A	01	9,0	13	151	Kim	
16	000016	1104020022	Triệu Huyền	Trang	22/12/1989	LT11A	01	5,0	14	150	H	
17	000017	1103020023	Hoàng Văn	Công	20/12/1991	LT11A_TCDH	01	6,0	15	149	Th	
18	000018	1103020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/03/1985	LT11A_TCDH	01	7,0	29	156	H	HP
19	000019	1103020012	Trần Thúy	Nga	03/07/1971	LT11A_TCDH	01	6,0	22	157	Th	
20	000020	1103020020	Đỗ Thị Ngọc	Oanh	06/07/2005	LT11A_TCDH	01	9,8	19	159	Oanh	
21	000021	1103021395	Nguyễn Thị Phương	Oanh	15/04/2005	LT11A_TCDH	01	8,8	30	158	Oanh	
22	000022	1103020017	Đoàn Vũ Thùy	Trang	11/08/2004	LT11A_TCDH	01	9,5	8	160	Trang	
23	000023	1104020019	Nguyễn Quang	Vinh	12/10/1997	LT11A_TCDH	01	6,0	25	162	Vinh	HP
24	000024	1103020004	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28/07/1974	LT11A_VLVH_TCDH	01	8,0	27	161	H	
25	000025	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	01	SA-MOS Không	07	166	Linh	BB

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
26	000026	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	01	5,0	05	167	Nam	
27	000027	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	01	5,0	04	168	Thắng	
28	000028	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01	5,0	01	169	HB	
29	000029	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	01					ĐK
30	000030	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	01	8,0	10	170	Vân	
31	000031	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	01	5,5	11	171	Nhi	
32	000032	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	01	6,5	13	172	Anh	HP
33	000033	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01	4,0-10% Không	11	173	Hào	BB
34	000034	0710331097	Nguyễn Đức	Duy	05/11/2000	QM7A	01					HP,ĐK
35	000035	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	01	9,0	16	174	Đại	
36	000036	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	01	2,0-10% Không	14	175	Kiệt	BB
37	000037	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	01					HP,ĐK
38	000038	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	01	7,5	21	142	Chi	HP
39	000039	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	01	4,0	22	141	Đ	
40	000040	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	01					HP,ĐK
41	000041	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	01					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 34....

Tổng số tờ giấy thi: 34....

Tổng số biên bản: 03.....

Ngày 22 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Đỗ Thị Vui


Đỗ Thị Kim Thoa